

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST

Ngày: 27/7/2018

V/v: “*Tranh chấp về*

Hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình;

Ông Nguyễn Ngọc Sửu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2017/TLST – KDTM ngày 15/11/2017 về : “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2018/QĐ-ST ngày 30/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST- KDTM ngày 29/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Kumsung Garment P Co.ltd.

Địa chỉ: 11 Hambakmoe-ro 347 Beon-gil, Namdong-ku, Incheon, Hàn Quốc.

Đại diện theo pháp luật: Ông J.K.K - chủ tịch, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trọng H sinh năm 1978– Công ty luật V, (có mặt).

Địa chỉ: Phòng X, Tầng Y, Tòa tháp T, số Z đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH Duo V;

Trụ sở: Thôn A, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Shin Jong S - Giám đốc Công ty TNHH Duo V; Quốc tịch: Hàn Quốc, (có mặt).

Người phiên dịch tiếng Hàn Quốc: Bà Ngô Thị H1 -sinh năm 1991, (có mặt).

Trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang làm phiên dịch của công ty TNHH Hansol E -Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai sau này Nguyên đơn là Kumsung Garment P Co.ltd (sau đây gọi tắt là Công ty K) do ông Vũ Trọng H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/4/2016, Công ty K đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số KMS-Duo – 500 với Công ty TNHH Duo V (gọi tắt là Công ty Duo V). Hợp đồng có nội dung: Công ty Duo V (bên B) mua 1 số máy móc thiết bị ngành may mặc của Công ty K (bên A) có trị giá là 92,820 USD. Tại Điều 5 của Hợp đồng đã quy định: Bên B thanh toán cho bên A tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản khi ký Hợp đồng là 40% giá trị của số hàng hóa (tương đương là 37,000 USD); đến ngày 30/10/2016 bên B sẽ thanh toán cho bên A là 60% giá trị của số hàng hóa còn lại (tương đương 55,820 USD).

Sau khi ký Hợp đồng, Công ty K đã giao toàn bộ hàng hóa cho Công ty Duo V. Công ty Duo V đã thanh toán cho Công ty K là 39,970 USD. Theo Hợp đồng thì đến ngày 30/10/2016, Công ty Duo V phải thanh toán cho Công ty K số tiền còn lại, nhưng Công ty Duo V đã không thanh toán đúng hạn theo như đã thỏa thuận. Sau đó Công ty Duo V mới thanh toán thêm cho Công ty K số tiền là 4,360 USD. Tính đến nay thì Công ty Duo V đã thanh toán cho Kumsung tổng số tiền là 44,330 USD, còn nợ Công ty K số tiền gốc là 48,490 USD. Công ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty Duo V trả tiền nhưng không có kết quả.

Nay, Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Duo V phải trả cho Công ty K số tiền hàng còn nợ là: 48.490 USD tương đương 1.103.874.850đ (theo tỉ giá Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 08/8/2017 là 22.765VNĐ/1 USD) và tiền lãi của số tiền gốc (1.103.874.850đ) tính từ ngày 30/10/2016 đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2018, ông Vũ Trọng H đại diện theo ủy quyền của Công ty K lại thay đổi yêu cầu và đề nghị: Công ty Duo V phải thanh toán tiền nợ gốc là 48.490 USD tương đương 1.107.026.700đ theo tỷ giá Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 01/6/2018 là 22.830VNĐ/1 USD và tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 30/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là Công ty TNHH Duo V (gọi tắt là Công ty Duo V) do ông Shin Jong S đại diện theo pháp luật trình bày tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bằng tiếng Hàn Quốc (do bà Ngô Thị H1 phiên dịch sang tiếng Việt Nam) như sau:

Ngày 25/4/2016, Công ty K đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số KMS-Duo – 500 với Công ty Duo V, theo đó Công ty Duo V (bên B) có mua máy

móc thiết bị ngành may mặc của Công ty K (bên A) có trị giá là 92.820 USD. Công ty Duo V cũng thừa nhận đã nhận đủ số hàng hóa do Công ty K đã giao và hiện còn nợ Công ty K số tiền gốc là 48,490 USD như Công ty K trình bày là đúng. Nay, Công ty K đề nghị Công ty Duo V trả tiền gốc 48,490 USD tương đương 1.107.026.700VNĐ (theo tỉ giá Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 08/8/2017 là 22.765VNĐ/1 USD) thì Công ty Duo V cũng nhất trí, nhưng về tiền lãi thì Công ty Duo V chỉ đồng ý tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 15/11/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm. Công ty Duo V đề nghị xin được trả dần số tiền trên vì hiện nay Công ty Duo V đang gặp khó khăn về tài chính.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Công ty K do ông Vũ Trọng H đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Công ty Duo V phải thanh toán tiền nợ gốc là 48.490 USD tương đương 1.107.026.700đ theo tỷ giá Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 01/6/2018 là 22.830VNĐ/1 USD và tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 30/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về việc Công ty Duo V đề nghị xin được trả dần tiền số tiền còn nợ của Công ty K thì Công ty K không đồng ý.

Bị đơn là Công Duo V do ông Shin Jong S đại diện theo pháp luật trình bày bằng tiếng Hàn Quốc (lời trình bày đã được Bà Ngô Thị H1 dịch sang tiếng Việt Nam) như sau: Công ty Duo V đồng ý trả số tiền nợ gốc và tiền lãi cho Công ty K theo như đề nghị của ông Hưng đại diện cho Công ty K đã trình bày. Nhưng hiện nay Công ty Duo V đang gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị xin được trả dần tiền cho Công ty K. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm thì Công ty Duo V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Bị đơn là Công ty Duo V phải trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho Nguyên đơn là Công ty K. Không chấp nhận đề nghị Bị đơn xin trả dần tiền cho Nguyên đơn

Về án phí: Công ty Duo V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về thủ tục tố tụng:

Ngày 25/4/2016, Kumsung Garment Press Co.ltd (gọi tắt là Công ty K)- có trụ sở tại Hàn Quốc đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số KMS-Duo – 500 với Công ty TNHH Duo V (gọi tắt là Công ty Duo V).

Ngày 19/10/2017, Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Duo V trả tiền mua hàng còn nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa.

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS thì phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền: Công ty Công ty K do người nước ngoài đại diện có trụ sở tại Hàn Quốc. Theo khoản 3, Điều 35 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết.

[1.3] về thời hiệu:

Theo Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “ Các tranh chấp về Dân sự...phát sinh trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 BLTTDS đã được sửa đổi bổ sung năm 2011”.

Hai bên đương sự đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 25/4/2016 là giao dịch Dân sự trước ngày 1/01/2017, cần áp dụng các quy định về thời hiệu theo Điều 159 BLTTDS năm 2011.

Theo Điều 159 BLTTDS năm 2011 thì thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng vay tài sản là 2 năm kể từ ngày cá nhân, cơ quan, tổ chức biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Như vậy, theo các quy định ở trên thì việc khởi kiện của Công ty K là vẫn còn thời hiệu.

[2] Về nội dung:

Nội dung Hợp đồng mua bán hàng hóa thể hiện Công ty Duo V (bên B) đã mua 1 số máy móc thiết bị ngành may mặc của Công ty K (bên A) có trị giá tổng số tiền là 92.820 USD.

Tại Điều 5 của Hợp đồng đã quy định: Bên B thanh toán cho bên A tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản khi ký Hợp đồng là 40% giá trị của số hàng hóa (tương đương là 37,000 USD); đến ngày 30/10/2016 bên B sẽ thanh toán cho bên A là 60% giá trị của số hàng hóa còn lại (tương đương 55,820 USD). Hợp đồng có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và được của đóng dấu của Công ty Duo V và Công ty K (bên mua và bên bán) theo đúng quy định tại Điều 24 Luật thương mại nên được coi là hợp pháp

[2.1]. Về yêu cầu tiền gốc:

Sau khi ký Hợp đồng, Công ty K đã giao toàn bộ hàng hóa cho Công ty

Duo V. Công ty Duo V đã thanh toán cho Công ty K là 39,970 USD. Theo Hợp đồng thì đến ngày 30/10/2016, Công ty Duo V phải thanh toán cho Công ty K số tiền còn lại, nhưng Công ty Duo V đã không thanh toán đúng hạn theo như đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Sau đó Công ty Duo V mới thanh toán được thêm được cho Công ty K số tiền là 4,360 USD. Tổng số tiền Công ty Duo V đã thanh toán cho Công ty K là 44,330 USD. Công ty Duo V cũng thừa nhận còn nợ Công ty K tiền gốc là 48,490 USD. Như vậy, Công ty Duo V đã vi phạm về thời hạn thanh toán tiền được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng mua bán hàng hóa, vi phạm Điều 50 của Luật thương mại.

Nay, Nguyên đơn là Công ty K đề nghị Công ty Duo V phải trả cho Công ty K số tiền còn nợ 48,490 USD được quy đổi sang tiền VNĐ theo tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 01/6/2018 là 22.830VNĐ/1USD là 1.107.026.700 VNĐ.

Bị đơn là Công ty Duo V cũng đồng ý về việc trả cho Công ty K số tiền trên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 246 BLTTDS công nhận sự thỏa thuận của các bên về nội dung trên.

[2.2]. Về yêu cầu tiền lãi:

Nguyên đơn là Công ty K đề nghị Công ty Duo V phải trả cho Công ty K số tiền lãi của số tiền trên từ ngày Công ty Duo V vi phạm thời hạn thanh toán (ngày 30/10/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất sơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Điều 306 Luật thương mại quy định: Trường hợp vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Như vậy, việc Nguyên đơn đề nghị mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với pháp luật. Phía Bị đơn cũng đồng ý về việc trả tiền lãi cho Nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 246 BLTTDS công nhận sự thỏa thuận của các bên về nội dung trên.

Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 29/11/2010 quy định mức lãi suất cơ bản là 95/1năm tức 0,75%/1 tháng.

Từ ngày 30/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/7/2018) là 21 tháng 28 ngày. Số tiền lãi của số tiền nợ gốc 1.107.026.700đ là:

$0,75\%/1\text{tháng} \times 1.107.026.700\text{đ} \times (21 + 28/30) \text{ tháng} = 182.105.892\text{đ};$

Như vậy: Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà Công ty Duo V phải trả cho Công ty K là: $1.107.026.700đ + 182.105.892đ = 1.289.132.592đ$.

[2.3] Về án phí ST: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì Công ty Duo V phải chịu số tiền án phí KDTMST là:

$$36.000.000đ + 3\% (1.289.132.592đ - 800.000.000đ) = 50.673.977đ.$$

Phía đại diện của Công ty Duo V đề nghị xin được trả dần tiền cho Công ty K vì lý do Công ty Duo V đang gặp khó khăn về tài chính. Nhưng đại diện của Công ty K không đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Duo V có quyền đề nghị vấn đề này tại Cơ quan Thi hành án dân sự. Do vậy, về vấn đề này thì Tòa án không giải quyết.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 5 Điều 30; khoản 3 Điều 35 Điều 147; Điều 246, Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc:

1- Công ty TNHH Duo V phải trả cho Kumsung Garment P Co.ltd tổng số tiền gốc và lãi là 1.289.132.592đ (một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi hai ngàn năm trăm chín mươi hai đồng); (trong đó tiền gốc là: 1.107.026.700đ; tiền lãi là: 29.782.651đ).

2- Về án phí KDTMST: Công ty TNHH Duo V phải chịu số tiền án phí KDTMST là: 29.782.651đ, (hai mươi chín triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi một đồng).

- Hoàn trả cho Kumsung Garment P Co.ltd số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 23.932.446đ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/000441 ngày 15/11/2017 tại Cục Thi hành án Dân sự, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận;

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TKT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Hiền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA SƠ THẨM

Nguyễn Ngọc Sửu Trần Thanh Bình

Phạm Thị Minh Hiền

29.782.651□.

Tổ , n nh©n d©n
T nh b³/₄c gi ng

c ng h p x  h i ch nh ngh a vi t nam
S c l p - T  do- H¹nh ph c

bi n b n ngh p , n

V o h i gi r ng y 27/7/2018.

T i tr  sở T a  n nh n d n t nh B c Gi ng.

V i H i đ ng x t xử sơ th m g m c :

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình;

Ông Nguyễn Ngọc Sửu.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý thụ lý số: 08/2017/TLST – KDTM ngày 15/11/2017 về : “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa:

Nguyên đơn: Kumsung Garment Press Co.ltd.

Địa chỉ: 11 Hambakmoe-ro 347 Beon-gil, Namdong-ku, Incheon, Hàn Quốc.

Đại diện theo pháp luật: Ông J.K.Kang - chủ tịch, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trọng Hưng sinh năm 1978– Công ty luật VLG.

Địa chỉ: Phòng 1603, Tầng 16, Tòa tháp Thành Công, số 57 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH Duo Vina;

Trụ sở: Thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Shin Jong Soo - Giám đốc Công ty TNHH Duo Vina; Quốc tịch: Hàn Quốc.

Người phiên dịch tiếng Hàn Quốc: Bà Ngô Thị Hiền -sinh năm 1991.

Trú quán: Thôn Đại Mão, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang làm phiên dịch của Công ty TNHH Hansol Electronics Việt Nam.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 5 Điều 30; khoản 3 Điều 35 Điều 147; Điều 246, Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc:

1- Công ty Công ty TNHH Duo Vina phải trả cho Kumsung Garment Press Co.ltd tổng số tiền gốc và lãi là 1.289.132.592đ (một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi hai ngàn năm trăm chín mươi hai đồng); (trong đó tiền gốc là: 1.107.026.700đ; tiền lãi là: 29.782.651đ).

2- Về án phí KDTMST: Công ty Duo V phải chịu số tiền án phí KDTMST là: 29.782.651đ, (hai mươi chín triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn sau trăm năm mươi một đồng).

- Hoàn trả cho Kumsung Garment Press Co.ltd số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 23.932.446đ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/000441 ngày 15/11/2017 tại Cục Thi hành án Dân sự, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA SƠ THẨM

Nguyễn Ngọc Sửu Trần Thanh Bình

Phạm Thị Minh Hiền

